

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	QB Công bố	Đối tượng	Lĩnh vực	Cơ quan công khai	Cấp thực hiện	Tình trạng
1	1.014275.H19	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.	1181/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
2	1.014258.H19	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (cấp xã)	1066/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
3	1.014193.H19	Thủ tục khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	785/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Bảo hiểm y tế (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
4	1.014150.H19	Xét truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	719/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
5	1.014149.H19	Xét tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	719/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
6	1.014159.H19	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	911/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
7	1.014157.H19	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	911/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
8	1.014155.H19	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	911/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
9	1.014158.H19	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	911/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
10	1.014156.H19	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	911/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
11	1.014116.H19	Tiếp nhận vào công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	463/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
12	1.014113.H19	Xét tuyển công chức	463/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
13	1.014111.H19	Thi tuyển công chức	463/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
14	3.000502.H19	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	459/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai

15	1.012422.H19	Đề nghị xét tặng Danh hiệu “Thầy thuốc Nhân dân”, “Thầy thuốc Ưu tú”	2433/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Thi đua, khen thưởng (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
16	1.014027.H19	Thực hiện, điều chỉnh, thời hưởng trợ cấp lưu trí xã hội	2448/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
17	1.014028.H19	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp lưu trí xã hội	2448/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
18	1.013997.H19	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	2232/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
19	1.013822.H19	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với nghề nhân nhân dân, nghề nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn	2256/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
20	1.013821.H19	Thực hiện, điều chỉnh, tạm dừng, thời hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với nghề nhân nhân dân, nghề nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn	2256/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
21	1.013797.H19	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC CUỘC LỄ NGOÀI CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỌP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC Ở MỘT XÃ	2245/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tin ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
22	1.013798.H19	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ GIANG ĐẠO NGOÀI ĐỊA BÀN PHỤ TRÁCH, CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỌP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC TRONG MỘT XÃ	2245/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tin ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
23	1.013796.H19	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC, TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT XÃ	2245/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tin ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
24	1.013979.H19	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	2228/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
25	1.013965.H19	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích.	1181/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai

26	1.013962.H19	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa	1181/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
27	1.013949.H19	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	1181/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
28	1.013967.H19	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	2228/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
29	1.013952.H19	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.	1181/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
30	1.013953.H19	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa	1181/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
31	1.013978.H19	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	1181/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
32	1.013950.H19	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.	1181/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
33	1.013768.H19	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp	2226/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai

34	1.003005.H19	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhân trẻ em Việt Nam làm con nuôi	2189/QĐ-UBND	Người nước ngoài	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
35	3.000468.H19	Chính sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)	2247/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Văn bằng, chứng chỉ (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
36	1.012968.H19	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	2158/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
37	1.012962.H19	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	2158/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
38	2.002165.H19	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	2153/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Bồi thường nhà nước (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
39	1.000094.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	2151/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
40	1.013745.H19	Xác nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân	2141/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
41	1.010773.H19	Tổ chức phát động học tập tấm gương trong phạm vi cả nước đối với trường hợp hy sinh, bị thương quy định tại điểm k khoản 1 Điều 14 và điểm k khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh	2141/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
42	1.010783.H19	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Nội vụ quản lý	2141/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
43	1.013743.H19	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đăng cư ở lại miền Nam hoạt động sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ, sỹ quan thuộc lực lượng vũ trang (công an, quân đội)	2141/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
44	1.013744.H19	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đăng cư ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng thuộc diện Trung ương quản lý	2141/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

45	1.013749.H19	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đánh cứ ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Gionevo năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng	2141/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
46	1.010778.H19	Cấp lại Bằng “Tô quốc ghi công”	2141/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
47	1.010774.H19	Cấp Bằng “Tô quốc ghi công” đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng “Tô quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước	2141/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
48	1.010781.H19	Cấp Bằng “Tô quốc ghi công” đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	2141/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
49	1.010772.H19	Cấp Bằng “Tô quốc ghi công”	2141/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
50	1.013724.H19	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động .	2140/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Việc làm (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
51	1.013725.H19	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh .	2140/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Việc làm (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
52	1.013706.H19	Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	2127/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
53	1.013703.H19	Thành lập hội	2127/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
54	1.013717.H19	Quy tự giải thể	2127/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
55	1.013710.H19	Hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giám sát cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	2127/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
56	1.013716.H19	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	2127/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
57	1.013708.H19	Hội tự giải thể	2127/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
58	1.013712.H19	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ	2127/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
59	1.013713.H19	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	2127/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
60	1.013702.H19	Công nhận ban vận động thành lập hội	2127/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
61	1.013715.H19	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	2127/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
62	1.013709.H19	Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	2127/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
63	1.013707.H19	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	2127/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
64	1.013714.H19	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	2127/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
65	1.013711.H19	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	2127/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai

66	1.013704.H19	Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	2127/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
67	2.002770.H19	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	1795/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
68	2.002771.H19	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	1795/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
69	3.000412.H19	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	1378/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
70	3.000410.H19	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế	2198/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
71	1.010812.H19	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tình quân lý	2141/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
72	3.000326.H19	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại	2198/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
73	3.000327.H19	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	2198/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
74	3.000325.H19	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	1564/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
75	1.013274.H19	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	2210/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
76	1.013314.H19	Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới	380/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đăng ký, quản lý cư trú (Bộ Công an)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
77	1.013313.H19	Xác nhận nơi thường xuyên đầu, đỗ, sử dụng phương tiện vào mục đích để ở	380/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đăng ký, quản lý cư trú (Bộ Công an)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
78	1.013228.H19	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	2211/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
79	1.013226.H19	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	2211/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai

80	1.013232.H19	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	2211/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
81	1.013227.H19	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	2211/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
82	1.013229.H19	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ;	2211/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
83	1.013225.H19	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	2211/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
84	1.013040.H19	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	2199/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
85	1.012975.H19	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	2158/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
86	1.012974.H19	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	2158/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
87	1.012973.H19	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	2158/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
88	1.012971.H19	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	2158/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
89	1.012967.H19	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	2158/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
90	1.012963.H19	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	2158/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
91	1.012961.H19	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	2158/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai

92	1.012972.H19	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	2158/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
93	1.012970.H19	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	2158/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
94	1.012969.H19	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	2158/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
95	1.012966.H19	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	2158/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
96	1.012965.H19	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	2158/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
97	1.012964.H19	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	2158/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
98	3.000309.H19	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	2158/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
99	3.000308.H19	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	2158/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
100	3.000307.H19	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	2158/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
101	1.012994.H19	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	2198/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
102	1.012995.H19	Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	1564/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
103	1.012996.H19	Thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ	1564/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
104	1.012922.H19	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	309/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
105	1.012888.H19	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	2212/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai

106	1.012837.H19	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	2229/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
107	1.012836.H19	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	2229/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
108	1.012818.H19	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	2228/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
109	1.012812.H19	Hòa giải tranh chấp đất đai	2228/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
110	1.012796.H19	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	2228/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
111	1.012817.H19	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	2228/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
112	1.012753.H19	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	1181/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
113	2.002649.H19	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2197/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
114	2.002648.H19	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2197/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
115	2.002646.H19	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	2197/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
116	2.002645.H19	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2197/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
117	2.002644.H19	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	2197/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
118	2.002643.H19	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2197/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
119	2.002642.H19	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	2197/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
120	2.002640.H19	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	2197/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
121	2.002639.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	2197/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai

122	2.002638.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	2197/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
123	2.002635.H19	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	2197/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
124	2.002641.H19	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	2197/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
125	2.002637.H19	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	2197/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
126	1.012695.H19	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	1513/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
127	1.012694.H19	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	2218/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
128	1.012569.H19	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	2159/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
129	1.012568.H19	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	2159/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
130	1.012582.H19	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG ĐẾN ĐỊA BÀN XÃ KHÁC (CẤP XÃ)	1046/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tin ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
131	1.012584.H19	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG TRONG ĐỊA BÀN MỘT XÃ (CẤP XÃ)	1046/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tin ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
132	1.012585.H19	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA NHÓM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	2245/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tin ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
133	1.012590.H19	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	2245/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tin ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
134	1.012591.H19	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ BỔ SUNG HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	1046/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tin ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
135	1.012592.H19	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	1046/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tin ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
136	1.012531.H19	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	309/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
137	2.002620.H19	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	2375 /QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai

138	3.000250.000.00.00.H19	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	2218/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
139	1.012300.000.00.00.H19	Thủ tục xét tuyển Viên chức (85/2023/NĐ-CP)	762/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
140	1.012301.000.00.00.H19	Thủ tục tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ quản lý	762/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
141	1.012299.000.00.00.H19	Thủ tục thi tuyển Viên Chức (Nghị định số 85/2023/NĐ-CP)	762/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
142	1.012084.000.00.00.H19	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	4001/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Gia đình (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
143	1.012085.000.00.00.H19	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	4001/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Gia đình (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
144	1.012223.000.00.00.H19	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	2245/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công tác dân tộc (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
145	1.012222.000.00.00.H19	Công nhận người có uy tín	2245/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công tác dân tộc (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
146	1.004082.000.00.00.H19	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (Cấp Xã)	1159/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
147	1.011609.000.00.00.H19	Công nhận hộ lâm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	1378/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giám nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
148	1.011608.000.00.00.H19	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	1378/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giám nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
149	1.011607.000.00.00.H19	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	1378/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giám nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
150	1.011606.000.00.00.H19	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát cận nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	2234/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giám nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
151	1.011471.000.00.00.H19	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	312/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
152	1.010941.000.00.00.H19	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	1670/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
153	2.002501.000.00.00.H19	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	1544/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Xử lý đơn thư (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
154	1.010945.000.00.00.H19	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	1544/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Tiếp công dân (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
155	1.010810.000.00.00.H19	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	2141/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
156	1.010815.000.00.00.H19	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	1203/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

157	1.010805.000.00.00.H19	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	2141/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
158	2.002483.000.00.00.H19	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	2426/QĐ-UBND	Người nước ngoài	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
159	1.010736.000.00.00.H19	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (cấp xã) (1.010736)	1373/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
160	2.002403.000.00.00.H19	Thủ tục thực hiện việc giải trình	3184/QĐ-UBND	Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
161	2.002402.000.00.00.H19	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	3184/QĐ-UBND	Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
162	2.002400.000.00.00.H19	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	3184/QĐ-UBND	Cán bộ, công chức, viên chức	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
163	2.002409.000.00.00.H19	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	2246/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Giải quyết khiếu nại (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
164	2.002401.000.00.00.H19	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	3184/QĐ-UBND	Cán bộ, công chức, viên chức	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
165	2.002396.000.00.00.H19	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	2246/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Giải quyết tố cáo (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
166	1.007919.000.00.00.H19	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công	2218/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
167	2.001263.000.00.00.H19	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	2189/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
168	1.005412.000.00.00.H19	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	2427/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Bảo hiểm (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
169	1.008603.000.00.00.H19	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	2199/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp	Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
170	1.003471.000.00.00.H19	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	2226/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
171	1.004478.000.00.00.H19	Công bố mở cảng cá loại III	2233/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
172	1.003347.000.00.00.H19	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã.	2226/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
173	1.003956.000.00.00.H19	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	2233/QĐ-UBND	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai

174	1.004498.000.00.00 .H19	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	2233/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
175	1.003446.000.00.00 .H19	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	1326/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
176	1.003440.000.00.00 .H19	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	1326/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
177	1.008725.000.00.00 .H19	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	2158/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
178	1.008724.000.00.00 .H19	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	2158/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
179	2.002284.000.00.00 .H19	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	2248/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
180	2.002226.000.00.00 .H19	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác	2197/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
181	2.002228.000.00.00 .H19	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	2197/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
182	2.000206.000.00.00 .H19	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	2159/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	An toàn đập, hồ chứa thủy điện (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
183	2.001261.000.00.00 .H19	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	2159/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
184	2.001270.000.00.00 .H19	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	2159/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
185	2.001283.000.00.00 .H19	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	2159/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
186	2.001384.000.00.00 .H19	Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện	2159/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	An toàn đập, hồ chứa thủy điện (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
187	1.005007.000.00.00 .H19	Thủ tục mua bán hóa đơn bán tài sản nhà nước và hóa đơn bán tài sản tịch thu sung quỹ nhà nước	1760/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
188	1.004894.000.00.00 .H19	Quản lý và sử dụng hoá đơn bán TSNH và hoá đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước	1760/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai

189	1.000691.000.00.00.H19	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	2247/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
190	1.000711.000.00.00.H19	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	2247/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
191	1.006390.000.00.00.H19	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	2158/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
192	2.001088.000.00.00.H19	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số.	4200/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
193	1.003622.000.00.00.H19	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	4001/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
194	2.001396.000.00.00.H19	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	2141/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
195	2.001960.000.00.00.H19	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	2248/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
196	1.002372.000.00.00.H19	Xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải	3153/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
197	2.001211.000.00.00.H19	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	2160/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
198	2.001212.000.00.00.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	2160/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
199	2.001214.000.00.00.H19	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	2160/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
200	2.001215.000.00.00.H19	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	2160/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai

201	1.005040.000.00.00 .H19	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	2214/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
202	1.006391.000.00.00 .H19	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	2214/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
203	1.003434.000.00.00 .H19	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	2216/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
204	2.001621.000.00.00 .H19	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	1326/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
205	2.001627.000.00.00 .H19	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp.	2226/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
206	1.006445.000.00.00 .H19	Sắp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	2158/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
207	1.006444.000.00.00 .H19	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	2158/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
208	1.000280.000.00.00 .H19	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	2247/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
209	1.002693.000.00.00 .H19	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	179/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hạ tầng kỹ thuật (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
210	1.000419.000.00.00 .H19	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	2151/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
211	1.000593.000.00.00 .H19	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	2151/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
212	1.000894.000.00.00 .H19	Thủ tục đăng ký kết hôn	2151/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
213	1.004746.000.00.00 .H19	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	2151/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
214	2.002096.000.00.00 .H19	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã	2200/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Công nghiệp địa phương (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
215	2.000794.000.00.00 .H19	Thủ tục công nhận cầu lạc bộ thể thao cơ sở	4001/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
216	2.000355.000.00.00 .H19	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	2256/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
217	1.000689.000.00.00 .H19	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	2151/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai

218	2.000986.000.00.00.H19	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	2069/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
219	2.001023.000.00.00.H19	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	2069/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
220	1.003583.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	2151/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
221	1.001653.000.00.00.H19	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	992/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
222	1.001699.000.00.00.H19	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	992/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
223	2.001406.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	2194/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
224	2.001009.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	2194/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
225	2.001016.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	2194/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
226	2.001019.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực di chúc	2194/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
227	2.001035.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	2194/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
228	1.001776.000.00.00.H19	Thực hiện, điều chỉnh, thời hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	2256/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
229	2.001661.000.00.00.H19	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	2422/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
230	2.000477.000.00.00.H19	Dùng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	2256/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
231	2.000282.000.00.00.H19	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	2256/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
232	2.000286.000.00.00.H19	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	2256/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
233	2.000513.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	2151/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
234	1.001695.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	2151/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
235	2.000806.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	2151/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
236	2.000927.000.00.00.H19	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	2194/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
237	2.000913.000.00.00.H19	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	2194/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai

238	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	2194/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
239	2.001008.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	2194/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
240	2.000992.000.00.00.H19	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	2194/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
241	1.000715.000.00.00.H19	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	2247/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
242	2.000942.000.00.00.H19	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	2194/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
243	1.000713.000.00.00.H19	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	2247/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
244	2.001842.000.00.00.H19	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	2158/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
245	1.000288.000.00.00.H19	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	2247/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
246	2.001659.000.00.00.H19	Xóa đăng ký phương tiện	2214/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
247	1.003930.000.00.00.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	2214/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
248	1.004036.000.00.00.H19	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	2214/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
249	2.001711.000.00.00.H19	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	2214/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

250	1.003970.000.00.00.H19	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	2214/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
251	1.004002.000.00.00.H19	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	2214/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
252	1.004047.000.00.00.H19	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	2214/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
253	1.004088.000.00.00.H19	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	2214/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
254	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	2194/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
255	1.001639.000.00.00.H19	Giải thẻ trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	2158/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
256	1.004563.000.00.00.H19	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	2158/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
257	1.004552.000.00.00.H19	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	2158/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Xã	Công khai
258	2.000908.000.00.00.H19	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	2194/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Đồng Nai	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai